

Bản án số: 22/2020/DSPT

Ngày: 07/5/2020

V/v *Tranh chấp đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Tuấn Anh.

- *Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Hoài Thanh.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hậu là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Xuân M. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Tr – Văn phòng Luật sư Tr và C - Đoàn Luật sư Bình Định (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Xuân L. (vắng mặt)

2. Chị Huỳnh Thị G. (có mặt)

3. Chị Huỳnh Thị Thu H. (vắng mặt)

4. Anh Huỳnh Xuân H1. (có mặt)

Đồng cư trú tại: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của chị Huỳnh Thị G, chị Huỳnh Thị Thu H, anh Huỳnh Xuân H1: Bà Nguyễn Thị T - Nguyên đơn trong vụ án (văn bản ủy quyền ngày 21/12/2018 và ngày 24/12/2018).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Xuân M - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, trình bày:

Vợ chồng bà được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất từ năm 1997, bao gồm 02 thửa đất tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định:

* Thửa số 460 tờ bản đồ số 18 (bản đồ 299), diện tích 951m² (theo Bản đồ VN 2000 là thửa 690, tờ bản đồ số 20, diện tích 1041,6m²).

* Thửa số 459 tờ bản đồ số 18, diện tích 1006m² (theo Bản đồ VN 2000 là thửa đất số 691, tờ bản đồ số 20, diện tích 1069,4m², loại đất 02 lúa). Theo Sổ đăng ký sử dụng đất tại quyền số 02, trang 348 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01966 ngày 10/10/1997. Từ khi được giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình bà không hề biết 02 thửa ruộng nói trên vì nhà nước giao quyền sử dụng nhưng không giao đất thực địa cho hộ gia đình bà sản xuất. Hiện nay 02 thửa đất này do ông Huỳnh Xuân M đang sử dụng vì vậy bà yêu cầu ông M phải trả lại 02 thửa đất nêu trên.

Bị đơn ông Huỳnh Xuân M, trình bày:

Thửa đất số 459, diện tích 1006m² và thửa đất số 460, diện tích 951m² đều thuộc tờ bản đồ số 18 (theo Bản đồ 299) là đất trồng lúa. Hai thửa đất này có nguồn gốc là đất hương hỏa do ông bà cao để lại cho cha ông là cụ Huỳnh Q. Năm 1985, cha ông viết giấy để lại cho ông sử dụng. Năm 2002 cha ông chết. Ông không đồng ý trả lại 02 thửa đất nói trên cho bà T vì đất này gia đình ông đã sử dụng từ trước năm 1975 cho đến nay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Xuân L, chị Huỳnh Thị G, chị Huỳnh Thị Thu H và anh Huỳnh Xuân H1, trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Bản án số 77/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, đã xử:

Buộc ông Huỳnh Xuân M trả lại 02 thửa đất chuyên trồng lúa nước: Thửa đất số 460 diện tích 951m² thuộc tờ bản đồ số 18 (Bản đồ 299) có giới cận: Đông giáp thửa 691, Tây giáp thửa 689, Nam giáp thửa 651, Bắc giáp thửa 744; Thửa đất số 459 diện tích 1006m² thuộc tờ bản đồ số 18 (Bản đồ 299) có giới cận: Đông giáp thửa số 707 và 708, Tây giáp thửa 690, Nam giáp thửa 744, Bắc giáp ruộng nước đều thuộc tờ bản đồ số 20 tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cho hộ bà Nguyễn Thị T sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 21/11/2019, bị đơn ông Huỳnh Xuân M kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm, yêu cầu bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc đòi lại tài sản là 02 thửa đất mà ông đang quản lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hộ gia đình bà Nguyễn Thị T được cân đối giao quyền sử dụng đối với thửa đất số 460 tờ bản đồ số 18 (bản đồ 299), diện tích 951m² (theo Bản đồ VN 2000 là thửa 690, tờ bản đồ số 20, diện tích 1041,6m²) và thửa 459 tờ bản đồ số 18, diện tích 1006m² (theo Bản đồ VN 2000 là thửa đất số 691, tờ bản đồ số 20, diện tích 1069,4m², loại đất 02 lúa) tại thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định theo Sổ đăng ký sử dụng đất tại quyền số 02, trang 348 sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01966 ngày 10/10/1997 nhưng theo bà T, từ khi được giao quyền sử dụng đất, hộ gia đình bà không hề biết đến 02 thửa ruộng nói trên vì nhà nước giao quyền sử dụng nhưng không giao đất thực địa cho hộ gia đình bà sản xuất và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay 02 thửa đất này do ông Huỳnh Xuân M đang sử dụng nên bà yêu cầu ông M phải trả lại 02 thửa đất nêu trên cho gia đình bà.

Ông Huỳnh Xuân M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T vì theo ông, nguồn gốc thửa đất nêu trên là đất hương hỏa do ông bà cao để lại cho cụ Huỳnh Q là cha ông theo “Giấy thỏa thuận trích giao ruộng” đề ngày 21/4/1977, có xác nhận của Ủy ban nhân dân (UBND) cách mạng xã M. Năm 1985 cụ Huỳnh Q viết giấy thừa kế tài sản với nội dung để lại 02 thửa ruộng nêu trên cho ông sử dụng nên gia đình ông đã sử dụng liên tục từ đó đến nay. Ông M khẳng định rằng cha ông là hộ cá thể, không vào Hợp tác xã.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giấy thừa kế tài sản viết vào năm 1985 của cụ Huỳnh Q do ông M xuất trình với nội dung để lại 02 thửa đất cho con là ông Huỳnh Xuân M là không có căn cứ vì trong giấy ghi: “đám ruộng ngọt”, không có số thửa, diện tích nên 02 đám ruộng mà ông Mai đang sử dụng là của hộ gia đình bà T vì vậy đã buộc ông M trả lại 02 thửa đất ruộng cho hộ gia đình bà T là chưa đủ căn cứ vững chắc vì chưa thu thập chứng cứ tại UBND xã M để xác định có hay không việc cụ Huỳnh Q có phải là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp? Cụ Q có đưa 02 thửa đất trên vào Hợp tác xã không? Tại Biên bản làm việc ngày 25/10/2019, UBND xã M xác định 02 thửa đất đang tranh chấp đã được cụ Huỳnh Q đưa vào HTX, ông Huỳnh Thanh H khai: “trong thời gian tôi là Phó chủ nhiệm và chủ nhiệm HTX nông nghiệp II Mỹ Chánh thì 02 thửa đất số 460 và 459 là của ông Huỳnh Q. Hai thửa đất này thì trước đây ông Q không vào HTX nhưng đến khoảng năm 1980 hay 1981 ông Q mới đưa vào HTX. Sau khi vào HTX xong thì HTX giao khoán lại cho ông Huỳnh Q canh tác” nhưng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện rõ

như sổ sách hoặc đơn xin vào HTX của cụ Q. Không thu thập chứng cứ về quá trình kê khai đăng ký và quá trình sử dụng đất của hộ gia đình bà T đối với các thửa đất đang tranh chấp trong khi ông M là người sử dụng đất liên tục từ năm 1985 đến nay còn bà T thừa nhận rằng bà và các thành viên trong hộ gia đình không hề biết gì đến 02 thửa đất đã được cấp cho mình cho đến năm 2017, khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ gia đình bà không trực tiếp kê khai đối với 02 thửa đất trên mà do người khác kê khai hộ nhưng ai là người kê khai hộ bà không nhớ cho đến khi ông M yêu cầu bà ký xác nhận để ông M được cấp GCNQSDĐ đối với 02 thửa đất nêu trên thì bà mới biết đất đã cấp cho hộ gia đình bà. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, ông M cho rằng ông và vợ ông là bà Trương Thị H2 cùng sử dụng 02 thửa đất ruộng nói trên nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà H2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, Tòa án cấp sơ thẩm còn bỏ sót người tham gia tố tụng vì vậy phải hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Huỳnh Xuân M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Huỳnh Xuân M phát biểu quan điểm pháp lý đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2019/DS-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P về “Tranh chấp đòi lại tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Huỳnh Xuân M.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện P giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Xuân M không phải chịu.

3. Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hồ Tuấn Anh